

CHUONG 5: KY THUAT AN TOAN MAY MOC THIET BI

Câu 1: Khái niệm về vùng nguy hiểm như sau:

- a.** *Vùng nguy hiểm là khoảng không gian trong đó các nhân tố nguy hiểm có ảnh hưởng trực tiếp hay luôn đe dọa đối với sự sống và sức khỏe của người lao động*
- b. Vùng nguy hiểm là khoảng không gian trong đó các nhân tố nguy hiểm có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp hay luôn đe dọa đối với sự sống và sức khỏe của người lao động
- c. Vùng nguy hiểm là khoảng không gian trong đó các nhân tố nguy hiểm đe dọa đối với sự sống và sức khỏe của người lao động
- d. Vùng nguy hiểm là khoảng không gian trong đó các nhân tố nguy hiểm có ảnh hưởng gián tiếp hay luôn đe dọa đối với sự sống và sức khỏe của người lao động

Câu 2: Các phạm vi vùng nguy hiểm của các bộ phận quay là:

- a.** *Băng tải máy ép keo*
- b. Trụ kim máy may
- c. Lưỡi dao
- d. Đáp án A và C đúng

Câu 3: Các khu vực có điện trên thiết bị dễ cháy nổ là:

- a. Bàn ủi
- b. Máy ép keo
- c. Máy ủi phom
- d.** *Tất cả đáp án đều đúng.*

Câu 4: Các nguyên nhân gây tai nạn khi sử dụng máy là:

- a. Thiết bị che chắn không đảm bảo an toàn
- b. Thiếu thiết bị bảo hiểm hoặc thiết bị bảo hiểm bị hỏng hay không hoạt động chính xác
- c. Bộ phận điều khiển máy bị hỏng
- d.** *Tất cả đáp án đều đúng.*

Câu 5: Những vi phạm gây tai nạn khi sử dụng máy là:

- a. Vi phạm các tiêu chuẩn, quy trình sử dụng máy an toàn
- b. Vi phạm nội quy an toàn của xưởng
- c. Không am hiểu những yêu cầu kỹ thuật an toàn máy
- d.** *Tất cả đáp án đều đúng.*

Câu 6: Những biện pháp an toàn chủ yếu là:

- a. Phải có người phụ trách để đảm bảo độ an toàn về các thiết bị nhà xưởng để kịp thời đưa ra các biện pháp khắc phục khi xảy ra tai nạn.
- b. Mua các thiết bị sản xuất có đầy đủ các biện pháp an toàn, hướng dẫn lắp đặt vận hành máy.
- c. Bố trí máy móc đảm bảo quy trình sản xuất, lắp ráp, vận hành sửa chữa, thay thế.
- d.** *Tất cả đáp án đều đúng.*

Câu 7: Những chú ý an toàn khi vận hành máy may là:

- a. Để tay tránh khỏi kim khi nhấn nút ON và trong khi máy đang hoạt động.
- b. Dùng để ngón tay vào trong nắp che cò giật chỉ khi máy đang hoạt động
- c. Phải chắc chắn đã nhấn nút OFF trước khi nghiêng đầu máy hoặc tháo đai thuyền
- d.** *Tất cả đáp án đều đúng.*

Câu 8: Những chú ý an toàn khi sử dụng máy may là:

- a.** *Suốt quá trình máy hoạt động phải cẩn thận không đưa đầu, ngón tay, hay bất cứ vật gì lại gần pully máy, đai truyền, động cơ.*
- b. Suốt quá trình máy hoạt động phải cẩn thận không đưa đầu vào máy.
- c. Suốt quá trình máy hoạt động phải được lắp đặt thiết bị che chắn an toàn.
- d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 9: Các bộ phận an toàn trên máy may 1 kim:

- a. Nắp cần cuốn chỉ
- b. Nắp ròng rọc
- c. Chắn ngón tay
- d.** *Tất cả đáp án đều đúng.*

Câu 10: Các bộ phận an toàn trên máy may 2 kim:

- a. Cụm đồng tiền
- b.** *Nhãn cảnh báo bị kẹp, nắp ròng rọc*
- c. Mặt nguyệt
- d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 11: Chức năng của nắp ròng rọc trên máy may 1 kim là:

- a. Đây là nắp dùng để tránh tiếp xúc giữa ròng rọc và cần cuốn chỉ.
- b. Đây là nắp để cản tiếp xúc giữa ròng rọc và kim.
- c.** *Đây là nắp để ngăn kẹt tay, tóc và quần áo bởi ròng rọc tay.*
- d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 12: Chức năng của nắp cần cuốn chỉ trên máy may 1 kim là:

- a. Đây là nắp để cản tiếp xúc giữa kim và cần cuốn chỉ.
- b.** *Đây là nắp dùng để tránh tiếp xúc giữa cơ thể và cần cuốn chỉ.*
- c. Đây là nắp dùng để tránh tiếp xúc đồng tiền và cần cuốn chỉ
- d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 13: Chức năng chắn ngón tay trên máy may 2 kim là:

- a. Đây là tấm cản tiếp xúc giữa ngón tay và mặt nguyệt.
- b.** *Đây là tấm cản tiếp xúc giữa ngón tay và kim.*
- c. Đây là tấm cản tiếp xúc giữa ngón tay và cụm đồng tiền.
- d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 14: Các bộ phận an toàn trên máy vắt sổ:

- a. Chắn ngón tay giúp cản tiếp xúc giữa ngón tay và kim.
- b. Tấm chắn kim vướng vào mắt, nắp ngăn tránh kẹt tay.
- c. Nhãn cảnh báo để bảo vệ ngón tay.
- d.** *Tất cả đáp án đều đúng.*

Câu 15: Các bộ phận an toàn trên máy đóng nút

- a. Chắn ngón tay giúp cản tiếp xúc giữa ngón tay và kim
- b. Tấm chắn bảo vệ mắt: chắn kim gây vướng vào mắt.
- c. Nhãn cảnh báo để bảo vệ ngón tay.
- d.** *Tất cả đáp án đều đúng.*

a. *Tâm chấn bảo vệ mắt: chấn kim văng vào mắt, chấn ngón tay giúp cản tiếp xúc giữa ngón tay và kim.*

a. Chất cháy, chất oxi hóa, chất xúc tác.
b. **Chất cháy, chất oxi hóa, môi bắt cháy.**
c. Môi bắt cháy, chất cháy và dung môi.

d. Tất cả các câu đều sai.

Câu 24: Nguy cơ về cháy nổ trong sản xuất của ngành may lớn là do:

- a. Nguyên phụ liệu của ngành may là vật liệu dễ cháy.
- b. Sử dụng nhiều máy móc, thiết bị và bố trí nhiều hệ thống về điện trong phân xưởng.
- c. Sử dụng hệ thống nồi hơi lớn cho hệ thống ủi sản phẩm.
- d. Tất cả đáp án đều đúng.**

Câu 25: Định nghĩa về nổ là:

- a. Nổ là phản ứng hóa học xảy ra với tốc độ nhanh và sinh công lớn.**
- b. Nổ là phản ứng hóa học xảy ra kèm tỏa nhiệt và sinh công lớn.
- c. Nổ là phản ứng hóa học xảy ra sinh công lớn.
- d. Nổ là phản ứng hóa học xảy ra kèm phát sáng và sinh công lớn.

Câu 26: Điều kiện cần thiết cho quá trình cháy xảy ra:

- a. Chất cháy, nguồn nhiệt gây cháy.
- b. Tia lửa, chất oxy hóa, nguồn nhiệt gây cháy.
- c. Tia lửa, chất oxy hóa, khí CO₂.
- d. Chất cháy, chất oxy hóa, nguồn nhiệt gây cháy.**

Câu 27: Chất cháy bao gồm:

- a. Than.
- b. Gỗ.
- c. Xăng.
- d. Tất cả đáp án đều đúng.**

Câu 28: Chất oxy hóa chủ yếu có trong:

- a. Không khí.**
- b. Nguồn nhiệt.
- c. Khí thải.
- d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 29: Nguồn nhiệt gây cháy bao gồm:

- a. Ngọn lửa trần, tia lửa điện**
- b. Tia lửa điện
- c. Khí thải.
- d. Tất cả đáp án đều đúng

Câu 30: Những nguyên nhân gây cháy nổ trực tiếp:

- a. Cháy do nhiệt độ cao đủ sức đốt cháy nguyên vật liệu.
- b. Cháy do tác dụng của hóa chất, do phản ứng hóa học.
- c. Cháy do điện.
- d. Tất cả đáp án đều đúng.**

Câu 31: Các biện pháp quản lý và phòng cháy nổ tại các doanh nghiệp:

- a. Tổ chức bộ máy, xây dựng nội quy, quy chế quy định nhiệm vụ, chức trách trong công tác phòng chống cháy nổ.
- b. Xây dựng và thực hiện các phương án phòng chống cháy nổ
- c. Thực hiện chữa cháy nổ khi xảy ra cháy nổ.
- d. Tất cả đáp án đều đúng.**

Câu 32: Xây dựng và thực hiện các phương án phòng chống cháy nổ:

- a. Xây dựng phương án phòng chống cháy nổ.
- b. Định kỳ mở các lớp huấn luyện nâng cao nhận thức và kỹ năng phòng chống cháy nổ.
- c. Thường xuyên kiểm tra giám sát, đôn đốc thực hiện nội quy, quy chế làm việc an toàn và phòng chống cháy nổ.
- d. Tất cả đáp án đều đúng.**

Câu 33: Các phương pháp chữa cháy bao gồm:

- a. Ngăn cách oxy với chất cháy (cách ly)
- b. Làm loãng nồng độ oxy và hỗn hợp chất cháy (làm ngạt)
- c. Phương pháp làm lạnh (thu nhiệt)
- d. Tất cả đáp án đều đúng.**

Câu 34: Khái niệm phương pháp ngăn cách oxy với chất cháy (cách ly) là:

- a. Là phương pháp cách ly oxy với chất cháy hoặc tách rời chất cháy ra khỏi vùng cháy.**
- b. Là dùng các chất chữa cháy có khả năng thu nhiệt làm giảm nhiệt độ của đám cháy nhỏ hơn nhiệt độ bắt cháy của chất cháy đám cháy sẽ tắt.
- c. Là dùng các chất không tham gia phản ứng cháy phun vào vùng cháy làm loãng nồng độ oxy.
- d. Là dùng các chất không tham gia phản ứng cháy phun vào vùng cháy làm loãng nồng độ oxy và hỗn hợp cháy tới mức bị ngạt không duy trì được sự cháy.

Câu 35: Làm loãng nồng độ oxy và hỗn hợp chất cháy (làm ngạt) là:

- a. Là dùng các chất không tham gia phản ứng cháy phun vào vùng cháy làm loãng nồng độ oxy và hỗn hợp cháy tới mức bị ngạt không duy trì được sự cháy. Sử dụng các chất chữa cháy như khí CO₂, lưu huỳnh.
- b. Là dùng các chất không tham gia phản ứng cháy phun vào vùng cháy làm loãng nồng độ oxy và hỗn hợp cháy tới mức bị ngạt không duy trì được sự cháy. Sử dụng các chất chữa cháy như khí CO₂, nitơ (N₂) bột tro.**
- c. Là dùng các chất không tham gia phản ứng cháy phun vào vùng cháy làm loãng nồng độ oxy và hỗn hợp cháy tới mức bị ngạt không duy trì được sự cháy. Sử dụng các chất chữa cháy như oxy, nitơ (N₂) bột tro.
- d. Là dùng các chất không tham gia phản ứng cháy phun vào vùng cháy làm loãng nồng độ oxy và hỗn hợp cháy tới mức bị ngạt không duy trì được sự cháy. Sử dụng các chất chữa cháy như lưu huỳnh.

Câu 36: Phương pháp làm lạnh là:

- a. Là dùng các chất chữa cháy có khả năng thu nhiệt làm giảm nhiệt độ của đám cháy nhỏ hơn nhiệt độ bắt cháy của chất cháy đám cháy sẽ tắt.**
- b. Là dùng các chất chữa cháy có khả năng giãn nhiệt làm giảm nhiệt độ của đám cháy nhỏ hơn nhiệt độ bắt cháy của chất cháy đám cháy sẽ tắt.
- c. Là dùng nước làm giảm nhiệt độ của đám cháy nhỏ hơn nhiệt độ bắt cháy của chất cháy đám cháy sẽ tắt.
- d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 37: Các phương pháp chữa cháy:

- a. 1 phương pháp chữa cháy cơ bản
- b. 2 phương pháp chữa cháy cơ bản
- c. 3 phương pháp chữa cháy cơ bản**
- d. 4 phương pháp chữa cháy cơ bản

Câu 38: Phương thức thực hiện ngăn cách oxy với chất cháy (cách ly):

- a. Là dùng các chất chữa cháy có khả năng thu nhiệt làm giảm nhiệt độ của đám cháy nhỏ hơn nhiệt độ bắt cháy của chất cháy đám cháy sẽ tắt.
Là dùng các chất không tham gia phản ứng cháy phun vào vùng cháy làm loãng nồng độ oxy và hỗn hợp cháy tới mức bị ngạt không duy trì được sự cháy. Sử dụng các chất chữa cháy như khí CO₂, nitơ (N₂) bột tro.
- b. Là dùng các chất không tham gia phản ứng cháy phun vào vùng cháy làm loãng nồng độ oxy và hỗn hợp cháy tới mức bị ngạt không duy trì được sự cháy. Sử dụng các chất chữa cháy như khí CO₂, nitơ (N₂) bột tro.
- c. Là dùng thiết bị chữa cháy úp chụp đập phủ lên bề mặt của chất cháy. Ngăn chặn oxy trong không khí với vật cháy. Đồng thời di chuyển vật cháy ra khỏi vùng cháy.**
- d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 39: Phương tiện chữa cháy cơ giới bao gồm:

- a. Ô tô chữa cháy- xe chuyên dụng, máy bơm chữa cháy.**
- b. Máy bơm chữa cháy
- c. Máy bơm khí
- d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 40: Ô tô chữa cháy- xe chuyên dụng bao gồm:

- a. Xe chữa cháy có té nước
- b. Xe chở vòi chữa cháy
- c. Xe thông tin ánh sáng
- d. Tất cả đáp án đều đúng.**

Câu 41: Các loại bình chữa cháy cầm tay và bình lắp trên giá có bánh xe bao gồm:

- a. Bình chữa cháy bằng khí, bình chữa cháy CO₂.**
- b. Bình chữa cháy CO₂
- c. Bình chữa cháy bằng nhiệt
- d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 42: Hệ thống thiết bị chữa cháy tự động, nửa tự động bao gồm:

- a. Hệ thống chữa cháy tự động/ nửa tự động bằng nước
- b. Hệ thống chữa cháy bằng bột, bằng khí
- c. Hệ thống phát hiện lửa
- d. Tất cả đáp án đều đúng.**

Câu 43: Yêu cầu đối với chất chữa cháy là:

- a. Rẻ tiền, dễ sử dụng, không làm hỏng thiết bị, không độc**
- b. Có khả năng dập tắt đám cháy cao
- c. Giá thành phù hợp
- d. Dễ sử dụng

Câu 44: Hiệu quả chữa cháy cao được hiểu như thế nào:

- a.** *Tiêu hao chất chữa cháy ít nhất trên một đơn vị diện tích cháy trong thời gian ngắn nhất*
- b. Chất chữa cháy dễ sử dụng.
- c. Dập tắt đám cháy trong thời gian ngắn nhất.
- d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 45: Khi xảy ra cháy có phát sinh từ thiết bị (hoặc nơi làm việc) điều đầu tiên là:

- a. Cúp cầu dao điện điện nơi xảy cháy.
- b. Chạy tìm lối thoát hiểm.
- c.** *Tìm chất chữa cháy để dập tắt lửa.*
- d. Gọi cứu hỏa để chữa cháy .

Câu 46: Để an toàn về vấn đề phòng chống cháy nổ, thì công ty cần thực hiện:

- a. Diễn tập phòng cháy chữa cháy.
- b. Có bình chữa cháy, có lối thoát hiểm.
- c. Có tuyên truyền hướng dẫn các quy định về PCCC cho người lao động.
- d.** *Có bình chữa cháy, có lối thoát hiểm và có diễn tập PCCC tại công ty.*

Câu 47: Để đề phòng hỏa hoạn tại nơi làm việc, cần phải:

- a. Bố trí đủ đường đi và giữ chúng sạch sẽ.
- b. Các đường dẫn : điện , nước, hơi khí nén bố trí trên cao trong khu vực sản xuất.
- c.** *Tránh chập điện, ma sát điện, tránh nguồn lửa.*
- d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 48: Để đề phòng hỏa hoạn tại nơi làm việc, cần phải:

- a.** *Có đường thoát hiểm thông thoáng và không chướng ngại vật.*
- b. Sử dụng quạt điện.
- c. Cung cấp đủ không khí nơi làm việc.
- d. Sửa chữa và bảo quản máy khi máy ngừng hoạt động.

Câu 49: Phòng và chống cháy đối với nhà máy dệt may:

- a. Niêm yết nội quy PCCC, biển cấm lửa, cấm hút thuốc, tiêu lệnh chữa cháy ở những nơi có nguy hiểm về cháy, nổ.
- b. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật, kỹ năng PCCC cho tất cả công nhân viên.
- c. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, phân công người theo dõi quy trình quản lý nguồn lửa, nguồn nhiệt; những nơi dễ phát sinh cháy.
- d.** *Tất cả đáp án đều đúng.*

Câu 50: Nguy cơ về cháy nổ trong sản xuất của ngành may lớn là do:

- a. Nguyên phụ liệu của ngành may là vật liệu dễ cháy.
- b. Sử dụng nhiều máy móc, thiết bị và bố trí nhiều hệ thống về điện trong phân xưởng.
- c. Sử dụng hệ thống nồi hơi lớn cho hệ thống ủi sản phẩm.
- d.** *Tất cả đáp án đều đúng.*

Câu 51: Để đề phòng hỏa hoạn tại nơi làm việc, cần phải:

- a. Tránh chấp điện, ma sát điện, tránh nguồn lửa.
- b. Có đường thoát hiểm thông thoáng, không có chướng ngại vật.
- c. Có dụng cụ cứu hỏa.
- d. Tất cả đáp án đều đúng.**

Câu 52: Sơ đồ chỉ dẫn thoát nạn chung cho cả công trình, cho từng khu vực:

- a. Có hệ thống đèn chiếu sáng sự cố
- b. Đèn chỉ dẫn hướng
- c. Đường thoát nạn.
- d. Tất cả đáp án đều đúng.**

Câu 53: Các điều kiện về khoảng cách an toàn phục vụ công tác thoát nạn:

- a. Không để hàng hóa, vật tư cản trở lối thoát nạn;
- b. Dựng rào chắn
- c. Khóa cửa trên lối và đường thoát nạn.
- d. Tất cả đáp án đều đúng.**

Câu 54: Các vật liệu dễ cháy như:

- a. Khu vực chứa phế liệu
- b. Kho chứa hàng
- c. Khu vực hóa chất
- d. Tất cả đáp án đều đúng.**

Câu 55: Các cơ sở may mặc cũng phải tuân thủ nghiêm các quy định về:

- a. An toàn sử dụng điện, nguồn lửa.
- b. An toàn sử dụng điện, nguồn nhiệt.
- c. An toàn sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt**
- d. An toàn sử dụng con người, điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt

Câu 56: Kiểm tra việc thực hiện các quy định trong sử dụng điện như:

- a. Ngắt cầu giao, aptomat.
- b. Tắt nguồn các thiết bị máy móc.
- c. Tắt thiết bị khi không sử dụng.
- d. Tất cả đáp án đều đúng.**

Câu 57: Các thiết bị chất chữa cháy có tác dụng cách ly:

- a. Lấp đầy chậu, đất cát.
- b. Bọt chữa cháy.
- c. Chăn nệm, bao tải, vải bạt.
- d. Tất cả đáp án đều đúng.**

Câu 58: Những công việc cần làm để hạn chế sự cháy tạo thành môi trường nguy hiểm cháy nổ:

- a. Đảm bảo vệ sinh công nghiệp.
- b. Dây dẫn điện loại trừ chất cháy thoát ra trong quá trình sản xuất.
- c. Lau chùi vệ sinh máy móc, thiết bị sử dụng điện.
- d. Tất cả đáp án đều đúng.**

Câu 59: Các công việc cần làm về an toàn PCCC đối với nhà máy dệt may:

- a. Định kỳ tổ chức huấn luyện nghiệp vụ PCCC, cứu hộ, cứu nạn cho lực lượng PCCC cơ sở.
Lập và thực tập thường xuyên phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ với nhiều tình huống khác nhau ở cơ sở để lực lượng này đủ khả năng ứng phó với mọi tình huống xảy ra.
- b. Tự kiểm tra an toàn PCCC; lập đội PCCC cơ sở, mỗi bộ phận, phân xưởng có tổ PCCC hoặc có người tham gia đội PCCC; mỗi ca làm việc bố trí lực lượng thường trực chữa cháy
- c. **d.** **Tất cả đáp án đều đúng.**

Câu 60: Hiện tượng cháy do điện là:

- a. Khi cách điện bị hư hỏng, do quá tải hay ngắn mạch chập điện, dòng điện giảm mạnh gây nóng dây dẫn, do hồ quang điện sinh ra khi đóng cầu dao điện, khi cháy cầu chì, chạm mạch,...
- b. **Khi cách điện bị hư hỏng, do quá tải hay ngắn mạch chập điện, dòng điện tăng cao gây nóng dây dẫn, do hồ quang điện sinh ra khi đóng cầu dao điện, khi cháy cầu chì, chạm mạch,...**
- c. Khi thiết bị không hoạt động bị hư hỏng, do quá tải hay ngắn mạch chập điện, dòng điện tăng cao gây nóng dây dẫn, do hồ quang điện sinh ra khi đóng cầu dao điện, khi cháy cầu chì, chạm mạch, ...
- d. Khi không hoạt động bị hư hỏng, do quá tải hay ngắn mạch chập điện, dòng điện giảm mạnh gây nóng dây dẫn, do hồ quang điện sinh ra khi đóng cầu dao điện, khi cháy cầu chì, chạm mạch,...

Câu 61: Hóa chất sử dụng chữa cháy trong phương pháp làm lạnh:

- a. Lưu huỳnh
- b. **Khí trơ lạnh CO₂**
- c. Dầu
- d. Ga

Câu 62: Xây dựng và thực hiện các phương án phòng chống cháy nổ bao gồm:

- a. Thường xuyên kiểm tra giám sát, đôn đốc thực hiện nội quy, quy chế làm việc an toàn.
- b. Định kỳ tiến hành báo động, thực tập chữa cháy, cấp cứu người bị tai nạn.
- c. Thường xuyên kiểm tra giám sát phòng chống cháy nổ.
- d. **Tất cả đáp án đều đúng.**

Câu 63: Các biện pháp quản lý và phòng cháy nổ tại các doanh nghiệp:

- a. Tổ chức bộ máy, xây dựng nội quy, quy chế quy định nhiệm vụ, chức trách trong công tác phòng chống cháy nổ.
- b. Xây dựng các phương án phòng chống cháy nổ
- c. Thực hiện các phương án phòng chống cháy nổ
- d. **Tất cả đáp án đều đúng.**

CHƯƠNG 1: NHỮNG KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ KỸ THUẬT AN TOÀN VÀ BẢO HỘ LAO ĐỘNG

Câu 64: Câu 1: Chọn câu sai: Mục đích của công tác bảo hộ lao động là.

- a. Đảm bảo an toàn thân thể người lao động
- b. Đảm bảo người lao động mạnh khỏe, không bị mắc bệnh nghề nghiệp hoặc các bệnh tật khác do điều kiện lao động không tốt xảy ra.
- c. Bồi dưỡng phục hồi kịp thời và duy trì sức khỏe, khả năng lao động cho người lao động.
- d. Không đảm bảo an toàn thân thể người lao động, hạn chế đến mức thấp nhất hoặc không để xảy ra tai nạn, chấn thương, gây tàn phế hoặc tử vong trong lao động**

Câu 65: Mục đích của công tác bảo hộ lao động là.

- a. Đảm bảo an toàn thân thể người lao động
- b. Đảm bảo người lao động mạnh khỏe, không bị mắc bệnh nghề nghiệp hoặc các bệnh tật khác do điều kiện lao động không tốt xảy ra.
- c. Bồi dưỡng phục hồi kịp thời và duy trì sức khỏe, khả năng lao động cho người lao động.
- d. Tất cả đều đúng**

Câu 66: Bảo hộ lao động mang tính pháp lý thể hiện ở tất cả các quy định về:

- a. Quy phạm, quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn
- b. Tiêu chuẩn vệ sinh lao động trong quá trình lao động sản xuất.
- c. Các quy định về tổ chức lao động.
- d. Tất cả đều đúng**

Câu 67: Bảo hộ lao động mang tính quần chúng là hoạt động hướng về :

- a. Cơ sở sản xuất
- b. Con người
- c. Cơ sở sản xuất và con người và trước hết là người trực tiếp lao động**
- d. Cơ sở sản xuất không hướng về con người

Câu 68: Công tác bảo hộ lao động mang tính pháp lý, tính khoa học kỹ thuật và tính quần chúng có

- a. Liên quan mật thiết với nhau và hỗ trợ lẫn nhau**
- b. Liên quan mật thiết với nhau và không hỗ trợ nhau
- c. Không liên quan mật thiết và hỗ trợ nhau
- d. Không liên quan mật thiết không hỗ trợ nhau

Câu 69: Hệ thống các văn bản pháp luật hiện hành về bảo hộ lao động gồm

- a. 1 phần
- b. 2 phần
- c. 3 phần**
- d. 4 phần

Câu 70: Chọn câu sai: Các yếu tố vật lý liên quan đến quá trình sản xuất là:

- a. Nhiệt độ, độ ẩm
- b. Tiếng ồn, rung động
- c. Các bức xạ có hại, bụi...
- d. Chất độc**

Câu 71: Chọn câu sai: Các yếu tố hóa học liên quan đến quá trình sản xuất là:

- a. Hóa chất độc
- b. Tiếng ồn, rung động
- c. Các loại hơi, khí, bụi độc
- d. Các chất phóng xạ.

Câu 72: Chọn câu sai: Các yếu tố bất lợi liên quan đến quá trình sản xuất là:

- a. Tư thế lao động
- b. Nhà xưởng rộng rãi thoáng mát**
- c. Không tiện nghi do không gian chỗ làm việc
- d. Nhà xưởng chật hẹp mất vệ sinh.

Câu 73: Các yếu tố nguy hiểm có hại liên quan đến quá trình sản xuất

- a. Các yếu tố vật lý, hóa học, sinh vật, vi sinh vật
- b. Các yếu tố bất lợi về tư thế lao động
- c. Các yếu tố tâm lý không thuận lợi
- d. Tất cả đáp án đều đúng.**

Câu 74: Tiêu chuẩn 5S được viết tắt từ

- a. Sàn lọc, sắp xếp, sạch sẽ, sẵn sóc, sẵn sàng**
- b. Sàn lọc, sẵn sóc, sâu sắc, sạch sẽ, sẵn sàng
- c. Sàn lọc, sẵn sóc, sâu sắc, sạch sẽ, sung sức
- d. Sung sức, sắp xếp, sạch sẽ, sẵn sóc, sẵn sàng

Câu 75: Tai nạn lao động là tai nạn:

- a. Gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể người lao động hoặc gây tử vong, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ lao động.**
- b. Không gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể người lao động hoặc gây tử vong, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ lao động.
- c. Gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể người lao động nhưng không gây tử vong
- d. Gây ù tai, chóng mặt...

Câu 76: Tai nạn lao động được phân ra:

- a. Chấn thương
- b. Nhiễm độc nghề nghiệp
- c. Bệnh nghề nghiệp.
- d. Tất cả đáp án đều đúng.**

Câu 77: Chọn câu sai: Tai nạn lao động được phân ra:

- a. Chấn thương
- b. Nhiễm độc nghề nghiệp
- c. Bệnh nghề nghiệp.
- d. Chấn thương đột ngột**

Câu 78: Điều kiện lao động là:

- a. Tổng thể các yếu tố về tự nhiên, xã hội, kỹ thuật, kinh tế, tổ chức thể hiện qua quy trình công nghệ, công cụ lao động, môi trường lao động con người lao động và sự tác động qua lại giữa chúng tạo điều kiện cần thiết cho hoạt động của con người trong quá trình sản xuất.**
- b. Tổng thể các yếu tố về tự nhiên, xã hội, kỹ thuật, kinh tế, tổ chức
- c. Công cụ lao động, môi trường lao động con người lao động
- d. Điều kiện cần thiết cho hoạt động của con người trong quá trình sản xuất.

Câu 79: Chấn thương là tai nạn lao động mà kết quả gây nên:

Những vết thương hay hủy hoại một phần cơ thể người lao động, làm tổn thương tạm thời hay mất khả năng lao động vĩnh viễn hay thậm chí gây tử vong. Chấn thương có tác dụng đột ngột

- b. Những vết thương hay hủy hoại một phần cơ thể người lao động, làm tổn thương tạm thời hay mất khả năng lao động vĩnh viễn và không gây tử vong. Chấn thương có tác dụng đột ngột
- c. Những vết thương hay hủy hoại một phần cơ thể người lao động, làm tổn thương tạm thời không làm mất khả năng lao động vĩnh viễn hay thậm chí gây tử vong. Chấn thương có tác dụng đột ngột
- d. Những vết thương hay hủy hoại một phần cơ thể người lao động, làm tổn thương tạm thời hay mất khả năng lao động vĩnh viễn hay thậm chí gây tử vong. Chấn thương có tác dụng lâu dài

Câu 80: Làm suy yếu dần dần sức khỏe hay làm ảnh hưởng đến khả năng làm việc và sinh hoạt của người lao động.

- a. Nhiễm độc nghề nghiệp b. Chấn thương
c. **Bệnh nghề nghiệp** d. Chấn thương chân

Câu 81: Là sự hủy hoại sức khỏe do tác dụng của các chất độc xâm nhập vào cơ thể người lao động trong điều kiện sản xuất.

- a. **Nhiễm độc nghề nghiệp**
b. Chấn thương
c. Bệnh nghề nghiệp
d. Chấn thương chân

Câu 82: Chấn thương có tác dụng:

- a. ***Đột ngột*** b. Lâu dài c. Thoảng qua d. 15 phút

Câu 83: Tính chất của công tác bảo hộ lao động là:

- a.** *Tính Pháp lý; Tính khoa học kỹ thuật; Tính quản chúng*
b. Tính Pháp lý; Tính khoa học kỹ thuật
c. Tính khoa học kỹ thuật; Tính quản chúng
d. Tính Pháp lý, Tính an toàn

Câu 84: Đối tượng nào sau đây được khám phát hiện bệnh nghề nghiệp

- a. Người lao động làm việc trong môi trường có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp**
 Tất cả người lao động trong danh nghiệp
 c. Những người lao động có thời gian làm việc ít nhất 10 năm
 d. Những người lao động có thời gian làm việc ít nhất 15 năm

Câu 85: Khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động là:

- a. **Lĩnh vực khoa học rất tổng hợp và liên ngành, được hình thành và phát triển trên cơ sở kết hợp và sử dụng thành tựu của nhiều ngành khoa học khác nhau**
- b. Lĩnh vực khoa học rất tổng hợp và liên ngành, được hình thành và phát triển trên cơ sở kết hợp và sử dụng thành tựu của một ngành khoa học
- c. Lĩnh vực khoa học rất tổng hợp và liên ngành, được hình thành và phát triển trên cơ sở kết hợp và sử dụng thành tựu của hai ngành khoa học

- d. Lĩnh vực khoa học rất tổng hợp và liên ngành, được hình thành và phát triển trên cơ sở kết hợp và sử dụng thành tựu của ba ngành khoa học

Câu 86: Những nội dung nghiên cứu chính của khoa học bảo hộ lao động bao gồm những vấn đề:

- a. *Khoa học vệ sinh lao động; Cơ sở kỹ thuật an toàn; Khoa học về các phương tiện bảo vệ người lao động; Nhân thể học Ergonomia với an toàn sức khỏe lao động***
b. Khoa học vệ sinh lao động; Cơ sở kỹ thuật an toàn;
c. Khoa học về các phương tiện bảo vệ người lao động; Nhân thể học Ergonomia với an toàn sức khỏe lao động
d. Nhân thể học Ergonomia với an toàn sức khỏe lao động

Câu 87: Khoa học về Ecgonomi:

- a. *Là môn khoa học nghiên cứu mối quan hệ giữa người và thiết bị, máy móc, môi trường để sao cho con người làm việc trong điều kiện tiện nghi và thuận lợi hơn.***
b. Là môn khoa học nghiên cứu con người để sao cho con người làm việc trong điều kiện tiện nghi và thuận lợi hơn.
c. Là môn khoa học nghiên cứu thiết bị, máy móc, môi trường để sao cho con người làm việc trong điều kiện tiện nghi và thuận lợi hơn.
d. Là môn khoa học nghiên cứu tâm lý của con người

Câu 88: Theo Điều 104 Bộ luật lao động 2012 quy định về thời giờ làm việc bình thường như sau:

- a. *Thời giờ làm việc bình thường không quá 08 giờ trong 01 ngày và 48 giờ trong 01 tuần***
b. Thời giờ làm việc bình thường không quá 11 giờ trong 01 ngày và 48 giờ trong 01 tuần
c. Thời giờ làm việc bình thường không quá 12 giờ trong 01 ngày và 48 giờ trong 01 tuần
d. Thời giờ làm việc bình thường không quá 13 giờ trong 01 ngày và 48 giờ trong 01 tuần

CHƯƠNG 2: KỸ THUẬT VỆ SINH LAO ĐỘNG

Câu 89: Bệnh nào sau đây được xem là bệnh nghề nghiệp của ngành may

- a. Bệnh dạ dày
b. ***Đau cột sống, giảm thị lực***
c. Bệnh lao
d. Bệnh dị ứng

Câu 90: Một số bệnh phổi công nhân thường mắc phải hiện nay là:

- a. Bệnh bụi phổi silic
b. Bệnh bụi phổi ami-ăng
c. Bệnh bụi phổi bông
d. *Tất cả đáp án đều đúng.*

Câu 91: Công nhân may phải tiếp xúc, hít nhiều loại:

- a. Sợi dây
b. Sợi gai
c. Sợi bông
d. *Tất cả đáp án đều*

đúng.

Câu 92: Những ngành nghề có sử dụng nhiều hóa chất độc hại trong sản xuất

- a.** ***Ngành dệt - nhuộm – hoàn tất vải***
- b. Ngành thương mại
- c. Du lịch dịch vụ
- d. Chế biến thực phẩm

Câu 93: Biểu hiện lâm sàng của bệnh bụi phổi bông là do hít phải sợi đay, gai, bông...

- a.** ***Tức ngực, khó thở, ho***
- b. Tức ngực, thở đều, sốt
- c. Không tức ngực, khó thở, không ho
- d. Sốt, ho, sổ mũi

Câu 94: Các biện pháp đề phòng tác hại nghề nghiệp

- a.** ***Biện pháp kỹ thuật công nghệ, kỹ thuật vệ sinh, phòng hộ các nhân, tổ chức lao động khoa học, y tế bảo vệ sức khỏe.***
- b. Biện pháp kỹ thuật phòng cháy, kỹ thuật vệ sinh, phòng hộ các nhân, tổ chức lao động khoa học, y tế bảo vệ sức khỏe.
- c. Biện pháp kỹ thuật công nghệ, kỹ thuật phòng cháy chữa cháy, phòng hộ các nhân, tổ chức lao động khoa học, y tế bảo vệ sức khỏe.
- d. Biện pháp kỹ thuật công nghệ, kỹ thuật vệ sinh, phòng hộ các nhân, tổ chức kinh tế, y tế bảo vệ sức khỏe.

Câu 95: Khám tuyển và khám định kỳ cho người lao động nhằm quản lý, theo dõi chặt chẽ, phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp kịp thời có biện pháp giải quyết thuộc về biện pháp:

- a. Biện pháp kỹ thuật công nghệ
- b.** ***Biện pháp y tế bảo vệ sức khỏe.***
- c. Biện pháp tổ chức lao động khoa học.
- d. Biện pháp kỹ thuật vệ sinh.

Câu 96: Trang bị và sử dụng đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động dựa theo tính chất độc hại của từng ngành, nghề sản xuất, phù hợp với từng người cụ thể thuộc biện pháp:

- a.** ***Biện pháp phòng hộ các nhân***
- b. Biện pháp y tế bảo vệ sức khỏe.
- c. Biện pháp tổ chức lao động khoa học.
- d. Biện pháp kỹ thuật vệ sinh.

Câu 97: Áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại nhằm cơ giới hóa, tự động hóa các quá trình sản xuất, cải tiến các quy trình công nghệ, sử dụng các chất không độc hoặc ít độc hơn,

- a. Biện pháp kỹ thuật vệ sinh.
- b. Biện pháp phòng hộ các nhân
- c. Biện pháp tổ chức lao động khoa học.
- d.** ***Biện pháp kỹ thuật công nghệ***

Câu 98: Lắp đặt hoặc cải tiến hệ thống chiếu sáng, thông gió, chống bụi, chống ồn, tại nơi lao động là những biện pháp góp phần cải thiện điều kiện lao động tốt hơn thuộc biện pháp:

- a. **Biện pháp kỹ thuật vệ sinh.**
- b. Biện pháp phòng hộ các nhân
- c. Biện pháp tổ chức lao động khoa học.
- d. Biện pháp kỹ thuật công nghệ

Câu 99: Lao động nặng, thân nhiệt có thể tăng lên :

- a. **38°C – 39°C**
- b. 39°C – 40°C
- c. 41°C – 42°C
- d. 43°C – 44°C

Câu 100: Vi khí hậu trong sản xuất là trạng thái lí học của không khí trong khoảng thời gian thu hẹp gồm các yếu tố như:

- a. **Nhiệt độ, độ ẩm, bức xạ nhiệt và vận tốc chuyển động của không khí.**
- b. Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn và vận tốc chuyển động của không khí.
- c. Nhiệt độ, độ ẩm, bức xạ nhiệt và vận tốc chuyển động của gió
- d. Không khí, độ ẩm, bức xạ nhiệt và vận tốc chuyển động của không khí.

Câu 101: Tùy theo tính chất tỏa nhiệt của quá trình sản xuất người ta chia ra mấy loại vi khí hậu:

- a. **3 loại vi khí hậu**
- b. 4 loại vi khí hậu
- c. 5 loại vi khí hậu
- d. 6 loại vi khí hậu

Câu 102: Vi khí hậu tương đối ổn định trong xưởng cơ khí, dệt

- a. **Nhiệt tỏa ra khoảng 20 kcal/m³.h**
- b. Nhiệt tỏa ra khoảng 30 kcal/m³.h
- c. Nhiệt tỏa ra khoảng 40 kcal/m³.h
- d. Nhiệt tỏa ra khoảng 50 kcal/m³.h

Câu 103: Độ ẩm tương đối nơi sản xuất nên trong khoảng

- a. 105% - 110%.
- b. 95% - 105%.
- c. 85% - 95%.
- d. **75% - 85%.**

Câu 104: Tiêu chuẩn cho phép vận tốc không khí không vượt quá:

- a. **3m/s**
- b. 4m/s
- c. 5m/s
- d. 6m/s

Câu 105: Tiêu chuẩn tối đa cho phép đối với tiếng ồn là:

- a. **90dB**
- b. 95dB
- c. 100dB
- d. 105dB

Câu 106: Đơn vị để đo tiếng ồn là:

- a. Kcal/m²
- b. Nanomet
- c. Kilomet
- d. **Decibel (dB)**

Câu 107: Vận tốc chuyển động không khí gây kích thích bất lợi cho cơ thể là

- a. 2m/s
- b. 3m/s
- c. 4m/s
- d. **5m/s**

Câu 108: Tác động của tiếng ồn đối với cơ quan thính giác:

- a. **Có 3 mức độ tác hại**
- b. Có 4 mức độ tác hại
- c. Có 5 mức độ tác hại
- d. Có 6 mức độ tác hại

Câu 109: Chọn câu sai: Tác động của tiếng ồn đối với cơ quan thính giác:

- a. Mức độ nhẹ
- b. Mức độ mệt mỏi tính giác
- c. Mức độ điếc nghề nghiệp
- d. Không có tác động đến cơ quan thính giác**

Câu 110: Tiếng ồn là:

- a. Tập hợp những âm thanh khác nhau về cường độ và tần số, không có nhịp, gây cho con người cảm giác khó chịu**
- b. Tập hợp những âm thanh khác nhau về cường độ và tần số, không có nhịp, gây cho con người cảm giác dễ chịu
- c. Tập hợp những âm thanh khác nhau về cường độ, không có nhịp, gây cho con người cảm giác khó chịu
- d. Tập hợp những âm thanh khác nhau về tần số, không có nhịp, gây cho con người cảm giác khó chịu

Câu 111: Rung động trong sản xuất là:

- a. Những chuyển động lao động cơ học truyền gián tiếp lên cơ thể các bộ phận riêng biệt của cơ thể người công nhân.
- b. Những chuyển động lao động cơ học truyền trực tiếp lên cơ thể các bộ phận riêng biệt của cơ thể người công nhân.**
- c. Những chuyển động của động cơ máy truyền trực tiếp lên cơ thể các bộ phận riêng biệt của cơ thể người công nhân.
- d. Những chuyển động của động cơ máy truyền gián tiếp lên cơ thể các bộ phận riêng biệt của cơ thể người công nhân.

Câu 112: Có mấy loại rung chuyển trong sản xuất:

- a. 1 loại rung chuyển
- b. 2 loại rung chuyển**
- c. 3 loại rung chuyển
- d. 4 loại rung chuyển

Câu 113: Máy khoan, máy cưa cầm tay thuộc loại rung chuyển:

- a. Rung chuyển toàn thân
- b. Rung chuyển cục bộ**
- c. Rung chuyển toàn thân; Rung chuyển cục bộ
- d. Rung chuyển truyền từ ghế

Câu 114: Bệnh nào sau đây được xem là bệnh nghề nghiệp của ngành may

- a. Bệnh dạ dày
- b. Bệnh rối loạn tiêu hóa
- c. Bệnh lao
- d. Bệnh đau cột sống, giảm thị lực**

Câu 115: Máy bay, tàu thủy, tàu hỏa... loại rung chuyển:

- a. Rung chuyển toàn thân**
- b. Rung chuyển cục bộ
- c. Rung chuyển toàn thân; Rung chuyển cục bộ
- d. Rung chuyển truyền từ tay qua chân

Câu 116: Tổn thương xương khớp, gân, cơ và thần kinh là tác hại của rung chuyển

- a. Rung chuyển toàn thân
- b. Rung chuyển cục bộ**
- c. Rung chuyển từ ghế
- d. Rung chuyển từ sàn xe

Câu 117: Ở hệ tim mạch ảnh hưởng đến nhịp tim và huyết áp, ở hệ tiêu hóa gây đau bụng, đau vùng thượng vị, nhút đầu, nôn mửa, choáng váng có thể bị ngất là tác hại của rung chuyển

- a. Rung chuyển từ máy cưa
- b. Rung chuyển từ máy khoan
- c. Rung chuyển toàn thân**
- d. Rung chuyển cục bộ

Câu 118: Bụi siêu hiển vi có kích thước nhỏ hơn:

- a. 0,1 μ m.**
- b. 0,5 μ m.
- c. 0,7 μ m.
- d. 0,9 μ m.

Câu 119: Chọn câu sai: Bụi hữu cơ gồm

- a. Bụi thực vật
- b. Bụi động vật
- c. Bụi nhân tạo
- d. Bụi khoáng chất**

Câu 120: Bụi khoáng chất, bụi kim loại, bụi hỗn hợp thuộc loại bụi nào sau đây:

- a. Bụi vô cơ**
- b. Bụi hữu cơ
- c. Bụi tự nhiên
- d. Bụi nhân tạo

Câu 121: Mục đích của thông gió trong công nghiệp

- a. Chống nóng; Khử khí độc, đảm bảo môi trường trong sạch**
- b. Chống nắng, Khử khí độc
- c. Đảm bảo môi trường trong sạch
- d. Chống nóng, chống ồn

Câu 122: Sản phẩm may mặc trong công nghiệp đạt yêu cầu về vệ sinh công nghiệp là;

- a. Sản phẩm không có chỉ thừa, không vật nhọn
- b. Sản phẩm không sử dụng hóa chất độc hại
- c. Sản phẩm không nhãn, dơ dính bẩn
- d. Tất cả đáp án đều đúng.**

Câu 123: Để xử lý bụi dính trên sản phẩm may công nghiệp, người ta cần lấy sạch bụi bằng cách:

- a. Giặt sản phẩm cho sạch
- b. Giữ sạch bụi có trên sản phẩm
- c. Đưa vào máy hút bụi để đánh bật bụi văng ra ngoài
- d. Lấy keo dính chặm bụi**

CHƯƠNG 3: KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG

Câu 124: Nguyên nhân gây chấn thương trong sản xuất được chia làm các nhóm sau:

- a. Nhóm các nguyên nhân kỹ thuật
- b. Nhóm các nguyên nhân về tổ chức

- c. Nhóm các nguyên nhân về vệ sinh công nghiệp:
- d. *Tất cả đáp án đều đúng.***

Câu 125: Tổ chức chỗ làm không hợp lý: chật hẹp, tư thế thao tác khó khăn...thuộc nhóm nguyên nhân gây chấn thương trong sản xuất nào sau đây:

- a. Nhóm các nguyên nhân kỹ thuật
- b. *Nhóm các nguyên nhân về tổ chức***
- c. Nhóm các nguyên nhân về vệ sinh công nghiệp
- d. Nhóm các nguyên nhân về y tế

Câu 126: Chọn câu sai: Nguyên nhân gây chấn thương trong sản xuất được chia làm các nhóm sau:

- a. Nhóm các nguyên nhân kỹ thuật
- b. Nhóm các nguyên nhân về tổ chức
- c. Nhóm các nguyên nhân về vệ sinh công nghiệp
- d. *Nhóm các nguyên nhân về y tế***

Câu 127: Phát sinh bụi, khí độc trong phân xưởng sản xuất do sự rò rỉ từ các thiết bị chứa... thuộc nhóm nguyên nhân gây chấn thương trong sản xuất nào sau đây:

- a. Nhóm các nguyên nhân kỹ thuật
- b. Nhóm các nguyên nhân về tổ chức
- c. *Nhóm các nguyên nhân về vệ sinh công nghiệp***
- d. Nhóm các nguyên nhân về y tế

Câu 128: Độ bền chi tiết máy không đảm bảo gây sự cố trong quá trình sử dụng thuộc nhóm nguyên nhân gây chấn thương trong sản xuất nào sau đây:

- a. *Nhóm các nguyên nhân kỹ thuật***
- b. Nhóm các nguyên nhân về tổ chức
- c. Nhóm các nguyên nhân về vệ sinh công nghiệp
- d. Nhóm các nguyên nhân về y tế

Câu 129: Thiết bị che chắn an toàn là:

- a. *Những dụng cụ thiết bị nhằm phòng ngừa những tai nạn có thể xảy ra trong sản xuất, bảo vệ công nhân khỏi bị ảnh hưởng của những yếu tố có hại trong quá trình làm việc (như bức xạ, phóng xạ, ...)***
- b. Là các cơ cấu đề phòng sự cố thiết bị có liên quan tới điều kiện lao động an toàn của công nhân.
- c. Thao tác lao động, nâng hạ và mang vác vật nặng đúng nguyên tắc an toàn, tránh các tư thế bất tiện có thể gây chấn thương cột sống trong thao tác.
Những dụng cụ thiết bị nhằm phòng ngừa những tai nạn có thể xảy ra trong sản xuất, không bảo vệ công nhân khỏi bị ảnh hưởng của những yếu tố có hại trong quá trình làm việc (như bức xạ, phóng xạ, ...)
- d. Những dụng cụ thiết bị nhằm phòng ngừa những tai nạn có thể xảy ra trong sản xuất, bảo vệ công nhân khỏi bị ảnh hưởng của những yếu tố có hại trong quá trình làm việc

Câu 130: Thiết bị và cơ cấu phòng ngừa là:

- a. Những dụng cụ thiết bị nhằm phòng ngừa những tai nạn có thể xảy ra trong sản xuất, bảo vệ công nhân khỏi bị ảnh hưởng của những yếu tố có hại trong quá trình làm việc

(như bức xạ, phóng xạ, ...)

b. Là các cơ cấu đề phòng sự cố thiết bị có liên quan tới điều kiện lao động an toàn của công nhân.

c. Thao tác lao động, nâng hạ và mang vác vật nặng đúng nguyên tắc an toàn, tránh các tư thế bất tiện có thể gây chấn thương cột sống trong thao tác.

d. Những dụng cụ thiết bị nhằm phòng ngừa những tai nạn có thể xảy ra trong sản xuất, không bảo vệ công nhân khỏi bị ảnh hưởng của những yếu tố có hại trong quá trình làm việc (như bức xạ, phóng xạ, ...)

Câu 131: Hệ thống đèn giao thông (đèn đỏ, đèn xanh, đèn vàng) thuộc tính hiệu nào sau đây:

a. Tín hiệu ánh sáng

b. Tín hiệu âm thanh

c. Tín hiệu màu sắc

d. Tín hiệu báo động

Câu 132: Tín hiệu ánh sáng bằng màu sắc thường dùng trong đèn giao thông

a. Đèn đỏ, đèn xanh, đèn vàng

b. Đèn đỏ, đèn xanh, đèn tím

c. Đèn trắng, đèn xanh, đèn vàng

d. Đèn đỏ, đèn màu, đèn vàng

Câu 133: Biển báo phòng ngừa là:

a. Là các bảng báo hiệu cho người lao động biết nơi nguy hiểm để cẩn thận khi qua lại hay cấm qua lại

b. Là các tín hiệu ánh sáng báo hiệu cho người lao động biết nơi nguy hiểm để cẩn thận khi cấm qua lại.

c. Là các tín hiệu âm thanh báo hiệu cho người lao động biết nơi nguy hiểm để cẩn thận khi qua lại hay cấm qua lại.

d. Là các bảng báo hiệu cho nhà máy biết nơi nguy hiểm để cẩn thận khi qua lại hay cấm qua lại.

Câu 134: Có mấy loại biển báo phòng ngừa:

a. 3 loại

b. 4 loại

c. 5 loại

d. 6 loại

Câu 135: "Khu vực cao áp, cấm đến gần", "Cấm đóng điện, đang sửa chữa!", "Cấm hút thuốc lá", ...thuộc loại biển báo nào sau đây

a. Bảng biển báo hiệu

b. Bảng hướng dẫn

c. Bảng biển cấm

d. Bảng biển báo nguy hiểm

Câu 136: “ Là cơ cấu tự động loại trừ khả năng gây nguy hiểm cho thiết bị và con người trong khi sử dụng nếu vì một lý do nào đó thao tác không đúng nguyên tắc an toàn” thuộc khái niệm nào sau đây:

a. Cơ cấu điều khiển

b. Khoá liên động

c. Điều khiển từ xa

d. Cơ cấu máy

Câu 137: Nhiệm vụ của cơ cấu phòng ngừa là:

a. Tự động ngắt máy, thiết bị, hoặc bộ phận máy khi có một thông số nào đó vượt quá ngưỡng giới hạn không cho phép.

- b.**

a.

- c.**

a.

- b.

a.

a.

- b.

a.

- b.

a.

a.

- b.

a.

Câu 146: Các phương tiện bảo vệ cá nhân được phân theo những nhóm nào:

- a. Trang bị bảo vệ mắt, cơ quan hô hấp, cơ quan thính giác, đầu, chân, tay trái
- b. Trang bị bảo vệ mắt, cơ quan hô hấp, cơ quan thính giác, đầu, tay, thân người
- c. Trang bị bảo vệ mắt, cơ quan hô hấp, cơ quan thính giác, đầu, chân, thân người
- d. *Trang bị bảo vệ mắt, cơ quan hô hấp, cơ quan thính giác, đầu, chân tay, thân người***

Câu 147: “Thường gặp khi hít, thở các hóa chất ở dạng khí, hơi, bụi. Chất độc xâm nhập qua phế quản và 7 triệu phế bào đi thẳng vào máu đến khắp các cơ quan, gây nhiễm độc. Đây là dạng nhiễm độc nghề nghiệp nguy hiểm nhất chiếm 95%.” Thuộc những đường nào sau đây:

- a. *Đường hô hấp*** b. Đường tiêu hóa c. Thấm qua da d. Đường máu

Câu 148: Tiếp xúc với hóa chất tại nơi làm việc có thể đi vào cơ thể con người theo con đường nào?

- a. *Đường hô hấp, đường tiêu hóa, thấm qua da***
- b. Đường hô hấp, đường tiêu hóa, truyền máu
- c. Đường tiêu hóa, thấm qua da, do muối và côn trùng đốt
- d. Đường hô hấp và đường tiêu hóa

Câu 149: Nhiễm độc chì mãn tính thường có các triệu chứng nào sau đây:

- a. Mệt mỏi, ít ngủ, ăn kém, nhức đầu,
- b. Đau cơ xương, táo bón, ở thể nặng có thể liệt các chi
- c. Gây tai biến mạch máu não, thiếu máu phá hoại tủy xương.
- d. *Tất cả đáp án đều đúng.***

Câu 150: “Độ bền chi tiết máy không đảm bảo gây sự cố trong quá trình sử dụng” thuộc nhóm nguyên nhân nào gây chấn thương trong quá trình sản xuất

- a. *Nhóm các nguyên nhân kỹ thuật***
- b. Nhóm các nguyên nhân về tổ chức
- c. Nhóm các nguyên nhân về vệ sinh công nghiệp
- d. Nhóm nguyên nhân về y tế

Câu 151: Đối với ngành may yếu tố nào ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động trong quá trình sản xuất:

- a. Bụi phát sinh, phân xưởng chật chội
- b. Ngồi lâu, cường độ làm việc cao
- c. Tập chung thị giác nhiều
- d. *Tất cả đáp án đều đúng.***

Câu 152: Sử dụng máy móc thiết bị tự động điều khiển từ xa trong xưởng sản xuất có phát sinh hay sử dụng chất độc nghiệp nhảm:

- a. *Tránh tiếp xúc trực tiếp giữa người công nhân với chất độc***
- b. Hạn chế sự ảnh hưởng của chất độc đối với người công nhân
- c. Dễ dàng hơn cho quá trình sản xuất
- d. Tiết kiệm sức lao động và nhân công

Câu 153: Chọn câu sai: Khả năng ảnh hưởng của chất độc đối với cơ thể người lao động phụ thuộc vào yếu tố:

- a. Thời gian tiếp xúc với chất độc
- b. Liều lượng tiếp xúc
- c. Nồng độ chất độc
- d. Cơ thể người lao động**

Câu 154: Thường sử dụng còi, chuông. Dừng cho các xe nâng hạ qua lại, các phương tiện vận tải, các báo động sự cố, ... Thuộc dạng tín hiệu nào sau đây

- a. Tín hiệu âm thanh**
- b. Tín hiệu ánh sáng
- c. Tín hiệu màu sắc
- d. Bảng biển báo hiệu

Câu 155: Phân xưởng chật chội, sắp xếp nơi làm việc lộn xộn, mất trật tự là tác hại có liên quan đến:

- a. Quá trình sản xuất
- b. Tổ chức lao động**
- c. Điều kiện vệ sinh và an toàn
- d. Hoạt động tâm sinh lý của người lao động

Câu 156: Phương tiện bảo vệ cá nhân đối với ngành may

- a. Mũ bảo hiểm
- b. Găng tay, mũ trùm tóc, khẩu trang**
- c. Găng tay cao su, tạp dề
- d. Khẩu trang, găng tay, giày, tất

Câu 157: Nhóm màu sắc chính của tín hiệu an toàn bao gồm các màu sau:

- a. Đỏ, cam, trắng
- b. Trắng, vàng, nâu
- c. Xanh lá cây, vàng, da cam
- d. Đỏ, vàng, xanh lá cây**

Câu 158: Đối với ngành may, khi phải ngồi máy may làm việc để đảm bảo an toàn trong sản xuất cần thực hiện:

- a. Tóc cột gọn gàng, đeo găng tay, khẩu trang chống bụi, đội mũ trùm đầu**
- b. Mang ủng, mang kính bảo vệ mắt
- c. Đội mũ bảo hiểm, đeo khẩu trang, găng tay
- d. Kiếng mát, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động

CHƯƠNG 4: KỸ THUẬT AN TOÀN ĐIỆN

Câu 159: Chọn câu sai: Dòng điện chạy qua cơ thể người sẽ gây ra các tác dụng sau đây:

- a. Tác dụng nhiệt
- b. Tác dụng điện phân
- c. Tác dụng sinh lý
- d. Tác dụng hóa học**

Câu 160: Đường đi của dòng điện qua cơ thể người chia làm mấy loại:

- a. 4 loại**
- b. 5 loại
- c. 6 loại
- d. 7 loại

Câu 161: Đường đi của dòng điện qua cơ thể người

- a. ***Từ tay qua tay; Từ tay phải qua chân; Từ tay trái qua chân; Từ chân qua chân.***
- b. Từ đầu đến chân; Từ tay phải qua chân; Từ tay trái qua chân; Từ chân qua chân.
- c. Từ tay qua tay; Từ tay phải qua chân; Từ tay trái qua chân; Từ đầu đến chân
- d. Từ tay qua tay; Từ tay phải qua chân; Từ tay qua đầu; Từ chân qua chân.

Câu 162: Tỷ lệ dòng điện qua tim (%)

- a. ***Từ tay qua tay 3.3 (%)***
- b. Từ tay qua tay 4.3 (%)
- c. Từ tay qua tay 5.3 (%)
- d. Từ tay qua tay 6.3 (%)

Câu 163: Tỷ lệ dòng điện qua tim (%)

- a. Từ tay phải qua chân 3.7 (%)
- b. Từ tay phải qua chân 4.7 (%)
- c. Từ tay phải qua chân 5.7 (%)
- d. ***Từ tay phải qua chân 6.7 (%)***

Câu 164: Tỷ lệ dòng điện qua tim (%)

- a. ***Từ tay trái qua chân 3.7 (%)***
- b. Từ tay trái qua chân 4.7 (%)
- c. Từ tay trái qua chân 5.7 (%)
- d. Từ tay trái qua chân 6.7 (%)

Câu 165: Tỷ lệ dòng điện qua tim (%)

- a. Từ chân qua chân 0.6 (%)
- b. Từ chân qua chân 0.5 (%)
- c. ***Từ chân qua chân 0.4 (%)***
- d. Từ chân qua chân 0.3 (%)

Câu 166: Cường độ điện trường có thể đạt tới trên “.....” có thể làm rối loạn hoạt động bình thường của cơ thể, có thể gây ra tai nạn điện.

- a. ***25kV/m***
- b. 35kV/m
- c. 45kV/m
- d. 55kV/m

Câu 167: Tai nạn điện được phân thành mấy dạng:

- a. ***2 dạng***
- b. 3 dạng
- c. 4 dạng
- d. 5 dạng

Câu 168: Khi gặp một người bị điện giật chúng ta cần phải

- a. Ôm, kéo nạn nhân ra khỏi dòng điện
- b. ***Tách nạn nhân ra khỏi dòng điện bằng vật cách điện***
- c. Chạy tìm người cứu nạn nhân
- d. Cấp cứu nạn nhân bằng hô hấp nhân tạo

Câu 169: Đường đi của dòng điện từ tay qua tay (Tỷ lệ dòng điện qua tim %):

- a. ***3.3***
- b. 3.4
- c. 3.5
- d. 3.6

Câu 170: Đường đi của dòng điện từ tay phải qua chân (Tỷ lệ dòng điện qua tim %):

- a. 6.5 b. 6.6 **c. 6.7** d. 6.8

Câu 171: Đường đi của dòng điện từ tay trái qua chân (Tỉ lệ dòng điện qua tim %):

- a. 3.4 b. 3.5 c. 3.6 **d. 3.7**

Câu 172: Đường đi của dòng điện từ chân qua chân (Tỉ lệ dòng điện qua tim %):

- a. 0.2 b. 0.3 **c. 0.4** d. 0.5

Câu 173: Các biện pháp để ngăn ngừa, hạn chế tai nạn điện khi xuất hiện tình trạng nguy hiểm:

- a. Thực hiện nổi không bảo vệ.
b. Thực hiện nổi đất bảo vệ, cân bằng thế.
c. Sử dụng máy cắt điện an toàn, sử dụng các phương tiện bảo vệ dụng cụ phòng hộ.
d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 174: Các biện pháp chủ động đề phòng xuất hiện tình trạng nguy hiểm có thể gây tai nạn là:

- a. Đảm bảo cách điện của thiết bị điện.
b. Đảm bảo khoảng cách an toàn, bao che, rào chắn các bộ phận mang điện.
c. Sử dụng điện áp thấp, máy biến áp cách ly.
d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 175: Các biện pháp về tổ chức góp phần rất lớn đến việc hạn chế tai nạn đảm bảo an toàn điện. Bao gồm:

- a. Quy định trách nhiệm của giám đốc hoặc người đứng đầu.
b. Quy định về vận hành, thủ tục giao nhận ca.
c. Quy định về quản lý hồ sơ trang bị và cung cấp điện.
d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 176: Quy tắc chung đảm bảo an toàn điện:

Để đảm bảo an toàn điện cần phải thực hiện đúng các quy định:

- a. Phải che chắn các thiết bị và bộ phận của mạng điện để tránh nguy hiểm khi tiếp xúc bất ngờ vào vật dẫn điện.
b. Phải chịu đúng điện áp sử dụng và thực hiện nổi đất hoặc nổi dây trung tính các thiết bị điện cũng như thấp sáng theo đúng tiêu chuẩn.
c. Nghiêm chỉnh sử dụng các thiết bị, dụng cụ an toàn và bảo vệ khi làm việc.
d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 177: Sơ cứu khi điện giật:

- a. Tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện.
b. Làm hô hấp nhân tạo.
c. Xoa bóp tim ngoài lồng ngực.
d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 178: Những việc cần làm khi phát hiện nạn nhân bị điện giật là:

- a. Nhanh chóng tách nạn nhân khỏi nguồn điện.**
b. Nhanh chóng đưa nạn nhân đi cấp cứu.
c. Nhanh chóng thực hiện sơ cứu.

- d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 179: Những việc cần làm khi phát hiện nạn nhân bị ngưng thở là:

- a.** *Ngay lập tức phải tiến hành hô hấp nhân tạo tại chỗ cho đến khi nạn nhân tự thở được.*
b. Ngay lập tức phải tiến hành đưa nạn nhân đi cấp cứu.
c. Ngay lập tức phải bảo vệ vết bỏng và gọi xe cứu thương.
d. D. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 180: Phương pháp cách ly nạn nhân khỏi nguồn điện:

- a. Khi có người bị điện giật phải nhanh chóng cắt cầu dao điện nơi gần nhất để cô lập nguồn điện chạy qua cơ thể nạn nhân, tiến hành hô hấp nhân tạo.
b. *Khi có người bị điện giật phải nhanh chóng cắt cầu dao điện nơi gần nhất để cô lập nguồn điện chạy qua cơ thể nạn nhân, dùng cây gỗ khô gạt dây điện ra khỏi người bị điện giật.*
c. Khi có người bị điện giật phải nhanh chóng dùng cây gỗ khô gạt dây điện ra khỏi người bị điện giật, tiến hành xoa bóp tim ngoài lồng ngực.
d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 181: Phương pháp cách ly nạn nhân khỏi tai nạn về điện xảy ra dưới nước:

- a.** *Người xử lý phải đứng trên cao, tìm cách cách ly với nước vì nước là chất dẫn điện và xử lý cắt cầu dao điện nơi gần nhất để cô lập nguồn điện chạy qua cơ thể nạn nhân, dùng cây gỗ khô gạt dây điện ra khỏi người bị điện giật.*
b. Người xử lý phải đứng trên cao, kéo người bị điện giật và xử lý cắt cầu dao điện nơi gần nhất để cô lập nguồn điện chạy qua cơ thể nạn nhân, dùng cây gỗ khô gạt dây điện ra khỏi người bị điện giật.
c. Người xử lý phải đứng đối diện với nạn nhân, nắm lấy người bị điện giật và xử lý cắt cầu dao điện nơi gần nhất để cô lập nguồn điện chạy qua cơ thể nạn nhân, dùng cây gỗ khô gạt dây điện ra khỏi người bị điện giật.
d. Người xử lý phải đứng trên cao, tìm cách cách ly với nước, dùng cây gỗ khô gạt dây điện ra khỏi người bị điện giật.

Câu 182: Các tình huống chạm điện trực tiếp dẫn đến tai nạn điện giật:

- a. 1 pha b. 2 pha c. 3 pha **d.** *Tất cả đáp án đều đúng.*

Câu 183: Trường hợp nguy hiểm nhất của mạng điện ba pha:

- a.** *Người lao động đồng thời chạm vào hai pha khác nhau, khi đó điện áp đặt vào người có trị số lớn nhất.*
b. Người lao động đồng thời chạm vào ba pha khác nhau,

khi đó điện áp đặt vào người có trị số lớn nhất.

- c. Người lao động đồng thời chạm vào một pha khác nhau, khi đó điện áp đặt vào người có trị số lớn nhất.
- d. Người lao động đồng thời chạm vào hai pha khác nhau, khi đó điện áp đặt vào người có trị số nhỏ nhất.

Câu 184: Trong mạng điện ba pha, sự nguy hiểm khi có người chạm phải các phần mang điện phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố như:

- a. Điện áp của mạng, tình trạng làm việc của điểm trung tính, trị số điện trở cách điện của các pha.
- b. *Điện áp của mạng, tình trạng làm việc của điểm trung tính, trị số điện trở cách điện của các pha, điện dung của các pha đối với đất.***
- c. Điện áp của mạng, tình trạng làm việc của điểm trung tính, điện dung của các pha đối với đất.
- d. Điện áp của mạng, tình trạng làm việc của điểm trung tính, chạm vào 1 cực của mạng điện, điện dung của các pha đối với đất.

Câu 185: Mạng điện đơn giản là:

- a. Mạng một chiều hay xoay chiều 3 pha.
- b. Mạng một chiều hay xoay chiều 2 pha.
- c. *Mạng một chiều hay xoay chiều 1 pha.***
- d. Mạng xoay chiều 2 pha.

Câu 186: Ký hiệu điện áp của mạng là:

- a. *Ký hiệu U***
- b. Ký hiệu R
- c. Ký hiệu Rng
- d. Ký hiệu Ing

Câu 187: Ký hiệu điện trở của người là:

- a. Ký hiệu U
- b. Ký hiệu Ing
- c. Ký hiệu R
- d. *Ký hiệu Rng***

Câu 188: Ký hiệu dòng điện qua người là:

- a. *Ký hiệu Ing***
- b. Ký hiệu U
- c. Ký hiệu R
- d. Ký hiệu Rng

Câu 189: Công thức dòng điện qua người sẽ là:

- a. $I_{ng} = I / R_{ng}$.
- b. $I_{ng} = R / R_{ng}$.
- c. $I_{ng} = U / R_{ng}$.
- d. Cả 3 câu A, B, C đều đúng.

Câu 190: Biểu diễn sự phân bố điện thế chung quanh chỗ chạm đất qua vật nổi đất hình bán cầu:

- a. $Uđ = K / x$
- b. $Uđ = K / Idđ$
- c. $Uđ = K / V$
- d. $Uđ = K / U$

Câu 191: Những yếu tố ảnh hưởng đến mức độ nguy hiểm cho con người:

- a. Biên độ dòng điện , tần số dòng điện.
- b. Đường đi của dòng điện, thời gian tồn tại điện giật.
- c. Trình trạng sức khỏe (hoàn cảnh xảy ra tai nạn, và phản xạ của nạn nhân).
- d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 192: Tác dụng của dòng điện đi qua cơ thể người là:

- a. Tác dụng nhiệt.
- b. Tác dụng điện phân.
- c. Tác dụng sinh lý.
- d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 193: Sự nguy hiểm tác dụng nhiệt của dòng điện đối với cơ thể con người :

- a. Làm cháy bỏng thân thể, thần kinh, tim não và các cơ quan nội tạng khác gây ra các rối loạn nghiêm trọng về chức năng.
Làm cháy bỏng thân thể, thần kinh, cơ và các cơ quan nội tạng khác gây ra các rối loạn nghiêm trọng về chức năng.
- b. Làm cháy bỏng thân thể, thần kinh, cơ và các cơ quan nội tạng khác gây ra các rối loạn nghiêm trọng về chức năng.
- c. Làm cháy bỏng thân thể, thần kinh, gan và các cơ quan nội tạng khác gây ra các rối loạn nghiêm trọng về chức năng.
- d. Làm cháy bỏng thân thể, thần kinh, các cơ quan nội tạng khác gây ra các rối loạn nghiêm trọng về chức năng.

Câu 194: Sự nguy hiểm tác dụng điện phân của dòng

điện đối với cơ thể con người:

- a. Biểu hiện ở việc phân ly máu và các chất rắn hữu cơ dẫn đến phá huỷ thành phần hoá lý của máu và các tế bào.

Biểu hiện ở việc phân ly máu và các chất lỏng hữu cơ dẫn đến phá huỷ thành phần hoá lý của máu và các tế bào.

- c. Biểu hiện ở việc phân ly máu và các chất lỏng hữu cơ dẫn đến phá huỷ thành phần hoá lý của máu.

- d. Biểu hiện ở việc dẫn truyền máu và các chất lỏng hữu cơ dẫn đến phá huỷ thành phần hoá lý của máu và các tế bào.

Câu 195: Sự nguy hiểm tác dụng sinh lý của dòng điện đối với cơ thể con người:

- a. Gây ra sự hưng phấn và kích thích các tổ chức sống dẫn đến co rút các bắp thịt trong đó có tim và phổi.

Gây ra sự hưng phấn và kích thích các tổ chức sống dẫn đến co rút các bắp thịt trong đó có tim và gan. Kết quả có thể đưa đến phá hoại, thậm chí làm ngừng hẳn hoạt động hô hấp và tuần hoàn.

- c. Gây ra sự hưng phấn và kích thích các tổ chức sống dẫn đến co rút các bắp thịt trong đó có gan và phổi. Kết quả có thể đưa đến phá hoại, thậm chí làm ngừng hẳn hoạt động hô hấp và tuần hoàn.

Gây ra sự hưng phấn và kích thích các tổ chức sống dẫn đến co rút các bắp thịt trong đó có tim và phổi. Kết quả có thể đưa đến phá hoại, thậm chí làm ngừng hẳn hoạt động hô hấp và tuần hoàn.

Câu 196: Những tình huống dẫn đến điện giật là:

- a. Chạm trực tiếp, gián tiếp.
b. Tai nạn do hồ quang điện, điện áp bước
c. Tai nạn điện do tác dụng của điện trường mạnh, do sét
Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 197: Những tình huống dẫn đến điện giật do chạm trực tiếp là:

- Khi làm việc với đường dây hay các thiết bị điện, con người có thể chạm vào các phần mang điện, như chạm vào dây dẫn trần đang mang điện. Khi sử dụng thiết bị***

điện, có thể có các chỗ cách điện bị nứt, rách, vỡ để hở phần mang điện, hoặc do gió to, do giông bão làm cho dây điện đứt rơi xuống, con người hay gia súc có thể chạm vào mà gây ra tai nạn điện.

- b. Khi có sự cố do hỏng cách điện, điện dò ra vỏ máy, khi người chạm vào vỏ máy thì điện đã truyền từ vỏ máy sang người, gây tai nạn. Cách điện hỏng do chất lượng cách điện kém hoặc do vật liệu làm cách điện bị lão hoá theo thời gian, do bụi bẩn hoặc không đảm bảo khe hở cách ly.
- c. Khi làm việc với đường dây hay các thiết bị điện, con người có thể chạm vào các thiết bị, như chạm vào dây dẫn điện. Khi sử dụng thiết bị điện, có thể có các chỗ thiết bị mang điện, hoặc do gió to, do giông bão làm cho dây điện đứt rơi xuống, con người hay gia súc có thể chạm vào mà gây ra tai nạn điện.
- d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 198: Những tình huống dẫn đến điện giật do chạm điện gián tiếp là:

- a. Khi có sự cố do cháy nổ, điện dò ra vỏ máy, khi người chạm vào vỏ máy thì điện đã truyền từ vỏ máy sang người, gây tai nạn.
- b. Khi có sự cố do cháy nổ, điện dò ra vỏ máy, khi người chạm vào vỏ máy thì điện đã truyền từ người sang người, gây tai nạn.
- c. *Khi có sự cố do hỏng cách điện, điện dò ra vỏ máy, khi người chạm vào vỏ máy thì điện đã truyền từ vỏ máy sang người, gây tai nạn.*
- d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 199: Nguyên nhân bộ phận cách điện hỏng là:

- a. *Cách điện hỏng do chất lượng cách điện kém hoặc do vật liệu làm cách điện bị lão hoá theo thời gian, do bụi bẩn hoặc không đảm bảo khe hở cách ly.*
- b. Cách điện hỏng do chất lượng cách điện kém, do bụi bẩn hoặc không đảm bảo khe hở cách ly.
- c. Cách điện hỏng do chất lượng cách điện kém, do bụi bẩn.
- d. Cách điện hỏng do vật liệu làm cách điện bị lão hoá theo thời gian, do bụi bẩn hoặc không đảm bảo khe hở cách ly.

Câu 200: Những tình huống dẫn đến điện giật do hồ

quang điện là:

- a. *Bị tai nạn do hồ quang điện cũng tương tự như bị tai nạn điện gián tiếp, nhưng đôi khi vừa bị hồ quang vừa bị dòng điện truyền qua người.*
- b. Bị tai nạn do hồ quang điện cũng tương tự như bị tai nạn điện trực tiếp, nhưng đôi khi vừa bị hồ quang vừa bị dòng điện truyền qua người.
- c. Bị tai nạn do hồ quang điện cũng tương tự như bị tai nạn điện trực tiếp, nhưng đôi khi bị hồ quang
- d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 201: Những tình huống dẫn đến điện giật do điện áp bước là:

- a. Là tai nạn do dòng điện chạy qua 2 chân lên cơ thể người do 2 chân đặt ở 2 chỗ có điện thế giống nhau.
- b. Là tai nạn do dòng điện chạy người do 2 chân đặt ở 2 chỗ có điện thế khác nhau.
- c. *Là tai nạn do dòng điện chạy qua 2 chân lên cơ thể người do 2 chân đặt ở 2 chỗ có điện thế khác nhau*
- d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 202: Những tình huống dẫn đến điện giật do tác dụng của điện trường mạnh là:

- a. Các vùng ở gần trạm hay đường dây siêu cao áp, từ 110kV trở lên, cường độ điện trường có thể đạt tới trên 35kV/m có thể làm rối loạn hoạt động bình thường của cơ thể, có thể gây ra tai nạn điện.
- b. *Các vùng ở gần trạm hay đường dây siêu cao áp, từ 110kV trở lên, cường độ điện trường có thể đạt tới trên 25kV/m có thể làm rối loạn hoạt động bình thường của cơ thể, có thể gây ra tai nạn điện.*
- c. Các vùng ở gần trạm hay đường dây siêu cao áp, từ 110kV trở lên, cường độ điện trường có thể đạt tới trên 15kV/m có thể làm rối loạn hoạt động bình thường của cơ thể, có thể gây ra tai nạn điện.
- d. Các vùng ở gần trạm hay đường dây siêu cao áp, từ 110kV trở lên, cường độ điện trường có thể đạt tới trên 10kV/m có thể làm rối loạn hoạt động bình thường của cơ thể, có thể gây ra tai nạn điện.

Câu 203: Những tình huống dẫn đến điện giật do sét là:

- a. *Sét đánh cũng là một dạng bị tai nạn điện do giông bão gây ra. Dòng điện sét có giá trị lớn nhưng chỉ diễn ra trong thời gian ngắn, nhưng có sức phá hoại lớn.*
- b. Sét đánh cũng là một dạng bị tai nạn điện do giông bão gây ra. Dòng điện sét có giá trị nhỏ nhưng chỉ diễn ra trong thời gian ngắn.
- c. Sét đánh cũng là một dạng bị tai nạn điện do giông bão gây ra. Dòng điện có sức phá hoại lớn.
- d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 204: Các chấn thương do điện gây ra bao gồm:

- a. Bỏng điện
- b. Co giật cơ
- c. Viêm mắt
- d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 205: Khái niệm chấn thương do điện:

- a. *Chấn thương do điện là sự phá huỷ cục bộ các mô của cơ thể do dòng điện hoặc hồ quang điện.*
- b. Chấn thương do điện là sự phá huỷ cục bộ các mô của cơ thể do dòng điện hoặc nhiệt độ cao.
- c. Chấn thương do điện là sự phá huỷ cục bộ các tế bào của cơ thể do dòng điện hoặc hồ quang điện.
- d. Chấn thương do điện là sự phá huỷ cục bộ các mô của cơ thể do dòng điện hoặc sự cháy.

Câu 206: Hiện tượng tai nạn bỏng điện là:

- a. *Bỏng gây nên do dòng điện qua cơ thể con người hoặc do tác động của hồ quang điện, một phần do bột kim loại nóng bắn vào gây bỏng.*
- b. Bỏng gây nên do dòng điện qua cơ thể con người hoặc do tác động của hồ quang điện.
- c. Bỏng gây nên do tác động của hồ quang điện, một phần do bột kim loại nóng bắn vào gây bỏng.
- d. Bỏng gây nên do dòng điện đi từ chân sang chân hoặc do tác động của hồ quang điện, một phần do bột kim loại nóng bắn vào gây bỏng.

Câu 207: Hiện tượng tai nạn co giật cơ là:

- a. *Khi có dòng điện qua người, các cơ bị co giật.*
- b. Khi có hiện tượng nổ điện các cơ bị co giật.

- c. Khi có hiện tượng phát quang, các cơ bị co giật.
- d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 208: Hiện tượng tai nạn viêm mắt là:

- a. Viêm mắt do tác dụng của nhiệt độ.
- b. *Viêm mắt do tác dụng của tia cực tím.***
- c. Viêm mắt do tác dụng của ánh sáng.
- d. Tất cả đáp án đều đúng.

Câu 209: Dòng điện qua cơ thể sẽ gây kích thích các mô kèm theo co giật cơ ở các mức độ khác nhau như sau:

- a. Cơ bị co giật, người bị ngất nhưng vẫn duy trì được hô hấp và tuần hoàn.
- b. Người bị ngất, hoạt động của tim và hệ hô hấp bị rối loạn.
- c. Chết lâm sàng (không thở, hệ tuần hoàn không hoạt động).
- d. *Tất cả đáp án đều đúng.***

Câu 210: Điện giật có thể gây ra ngưng tim, ngưng thở, làm nạn nhân tử vong đột ngột. Thời gian vàng cấp cứu nạn nhân tại chỗ là bao nhiêu phút:

- a. 2 phút
- b. 3 phút
- c. 4 phút
- d. 5 phút**

Câu 211: Các yếu tố nguy hiểm trong sản xuất được hiểu là:

- a. Khi tác động vào con người thường gây ra sự suy giảm sức khỏe có thể dẫn đến bệnh nghề nghiệp.
- b. *Khi tác động vào con người thường gây chấn thương hay hủy hoại cơ thể người.***
- c. Tai nạn lao động trong khi làm việc.
- d. Khi tác động vào máy móc sẽ gây hư hỏng máy móc, trang thiết bị.

Câu 212: Để đảm bảo thông thoáng và không khí đủ chuẩn cho công việc, người công nhân cần dung tích không khí là:

- a. *Không ít hơn 14 m³.*
- b. Không nhiều quá 14 m³.
- c. Không ít hơn 14 m².
- d. Không nhiều hơn 14 m².

Câu 213: Các tai nạn do điện gây ra:

- a. *Các chấn thương do điện, điện giật.*
- b. Các chấn thương do cháy nổ
- c. Điện giật.
- d. Tất cả đáp án đều đúng.